

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 23/02/2017 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 868/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát”;

Căn cứ Quyết định số 2994/QĐ-UBND ngày 08/8/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án đầu tư xây dựng công trình Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát;

Căn cứ Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 10/4/2019 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Quang Chiêu, huyện Mường Lát;

Xét Đơn kèm hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ngày 20/7/2018 của Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Hùng Lộc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 437/TTr-STNMT ngày 04/5/2019,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Hùng Lộc được khai thác khoáng sản bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường xã Quang Chiêu, huyện Mùông Lát, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ: 2,8 ha; trong đó, diện tích khu vực khai thác 2,2 ha; diện tích khu vực khai trường 0,6 ha, được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 9 có toạ độ xác định tại Phụ lục 1 và trên Bản đồ khu vực mỏ kèm theo.

- Mục đích sử dụng khoáng sản: Làm vật liệu xây dựng thông thường.

- Trữ lượng khoáng sản:

+ Trữ lượng địa chất: 881.965 m<sup>3</sup>; trong đó, đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường là 861.230 m<sup>3</sup>; đất san lấp là 20.735 m<sup>3</sup>.

+ Trữ lượng huy động và thiết kế khai thác: 622.634 m<sup>3</sup>; trong đó, đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường là 601.899 m<sup>3</sup>; đất san lấp là 20.735 m<sup>3</sup>.

- Thân khoáng: Dạng khối.

- Công suất khai thác: 30.000 m<sup>3</sup>/năm.

- Mức sâu khai thác: Thấp nhất +400 m.

- Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

- Thời hạn khai thác: 21 năm, kể từ ngày ký Giấy phép; trong đó, thời gian xây dựng cơ bản mỏ là 03 tháng.

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo trích lục Bản đồ số 533/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 10/8/2018.

**Điều 2.** Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Hùng Lộc có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Lập hồ sơ thuê đất, nộp về Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Thanh Hóa theo quy định.

3. Tiến hành hoạt động khai thác theo đúng toạ độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; cắm mốc giới khu vực được phép khai thác và báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát;

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

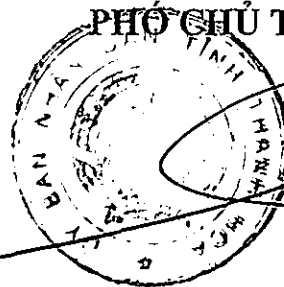
**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Hùng Lộc chỉ được phép tiến hành các hoạt động khai thác mỏ tại khu vực trên sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa hồ sơ thiết kế mỏ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan chức năng của nhà nước theo quy định và được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận, bàn giao mỏ tại thực địa./.

**Nơi nhận:**

- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Công ty TNHH TMXD Hùng Lộc;
- Các Sở: Xây dựng, TN&MT (05b);
- UBND huyện Mường Lát;
- UBND xã Quang Chiểu;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Đức Quyền**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

Phụ lục số: 01

**TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ ĐÁ VÔI LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG  
THÔNG THƯỜNG TẠI XÃ QUANG CHIỂU, HUYỆN MUỜNG LÁT**

(Phụ lục kèm theo Giấy phép khai thác khoáng sản số: 69/GP-UBND  
ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Diện tích mỏ	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000	
		Kinh tuyến trục 105 <sup>0</sup> , múi chiếu 3 <sup>0</sup>	
		X(m)	Y(m)
Khu vực khai thác S= 2,2 ha	1	2265 803.40	445 360.98
	2	2265 690.76	445 360.73
	3	2265 687.20	445 542.40
	4	2265 719.42	445 550.25
	5	2265 826.46	445 508.63
Khu vực khai trường S= 0,6 ha	1	2265 803.40	445 360.98
	6	2265 830.23	445 360.89
	7	2265 851.75	445 513.23
	8	2265 826.96	445 528.02
	9	2265 725.90	445 564.71
	4	2265 719.42	445 550.25
	5	2265 826.46	445 508.63